

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/HS-ST

Ngày: 14-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Giàu (Giáo viên)

Bà Phạm Thu Hồng (Giáo viên)

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 100/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

TÔN THỊ LỆ M, sinh ngày: 09/10/1994 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tôn Văn T (đã chết) và bà Trương Thị P, sinh năm: 1963; Chồng: chưa có; Có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Huỳnh Thị Út N, sinh năm: 1971;

Nơi cư trú: ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Đặng Thị Bích T, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Số 45, khu phố B, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

4. Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số 390D, ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Tôn Thị Lệ M tìm mua được Hêrôin trên Thành phố Hồ Chí Minh, nên đêm 13/9/2011, Huỳnh Thị Út N nhờ M mua dùm Hêrôin để N sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác; đồng thời hứa hẹn sẽ mua giường và nuôi cơm M tháng đầu khi sinh con (do M đang mang thai). Sáng ngày 14/9/2011, N đưa M 1.800.000 đồng; trong đó để mua Hêrôin 800.000 đồng, tiền xe cho M đi lại 200.000 đồng, nhờ M trả cho T 500.000 đồng và trả cho M 300.000 đồng tiền mượn trước đó. Cùng ngày, M đi Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 cục Hêrôin với giá 800.000 đồng của một người phụ nữ không biết tên, địa chỉ và trở về giao lại cho N. N phân chia cục Hêrôin ra thành 27 tép, rồi cất giấu vào phong bì. Khoảng 19 giờ cùng ngày, N bán cho Phạm Văn C (Sinh năm: 1992, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre) 01 tép Hêrôin giá 100.000 đồng, đến 21 giờ cùng ngày, N bán tiếp cho Nguyễn Hoàng V (Sinh năm: 1986, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 98/11, đường N, Phường M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre) 01 tép Hêrôin cũng với giá 100.000 đồng thì bị công an bắt quả tang, thu giữ. Khi nghe công an đến kiểm tra, Đặng Thị Bích T (con ruột của N) đã lấy phong bì đựng Hêrôin để trên táplô điện ném ra cửa thông gió nhà vệ sinh nhằm phi tang nhưng bị phát hiện, thu giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 đoạn ống nhựa màu trắng sọc đỏ hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột màu trắng (do V giao nộp);

- 25 đoạn ống nhựa màu trắng sọc đỏ hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột màu trắng (đựng trong phong bì);

- 181.000 đồng tiền Việt Nam.

Qua khám xét khẩn cấp tại nhà trọ nơi N ở đã thu:

- 01 ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng;

- 01 lưỡi lam đã qua sử dụng;

- 01 đoạn ống nhựa màu trắng sọc đỏ;

- 01 thiệp mời sinh nhật;

- 01 điện thoại di động hiệu mobell màu đen, viền đỏ, số imel 367443041933731 (của Tôn Thị Lệ M);

- 2.250.000 đồng (của Tôn Thị Lệ M).

Theo bản kết luận giám định số 3520/C54B ngày 04/10/2011 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng sọc đỏ (gói 01) có chứa thành phần Hêrôin, trọng lượng 0,0513 gam và chất màu trắng đựng trong 25 đoạn ống nhựa màu trắng sọc đỏ (gói 02) có chứa thành phần Hêrôin, trọng lượng 0,4292 gam. Tổng trọng lượng cả 02 gói là 0,4805 gam.

Ngoài ra, Tôn Thị Lệ M còn khai nhận: Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2011, đã 07 lần đến Thành phố Hồ Chí Minh mua Hêrôin đem về ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre phân ra bán lại cho các con nghiện để kiếm lời. Cụ thể, đã bán cho Nguyễn Tấn P 04 lần 07 tép thu được 700.000 đồng; bán cho Nguyễn Thành Đ khoảng 25 lần 88 tép Hêrôin thu được khoảng 8.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 105/CT-VKSTPBT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Tôn Thị Lệ M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm l, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Tôn Thị Lệ M từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Ghi nhận phần xử lý vật chứng đã được giải quyết theo bản án số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Về phần biện pháp tư pháp: buộc bị cáo nộp 7.250.000 đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Tôn Thị Lệ M có lời khai trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2011, bị cáo đã 07 lần đến Thành phố Hồ Chí Minh mua Hêrôin đem về ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre phân ra bán lại cho các con nghiện để kiếm lời, cụ thể: đã bán cho Nguyễn Tấn P 04 lần 07 tép Hêrôin thu được 700.000 đồng; bán cho Nguyễn Thành Đ khoảng 25 lần 88 tép Hêrôin thu được khoảng 8.800.000 đồng. Bị cáo nhận biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo tuy cùng các bị cáo Huỳnh Thị Út N và Đặng Thị Bích T bị Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đưa ra xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 và xử phạt bị cáo M 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại Quyết định tái thẩm số 34/2018/HS-GĐT ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử hủy bản án sơ thẩm số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre về phần liên quan đến Tôn Thị Lệ M để điều tra và xét xử lại theo đúng quy định pháp luật. Lý do có căn cứ xác định ngày tháng năm sinh bị cáo M là ngày 09/10/1994 không phải sinh năm 1991 như bản án số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 xác định. Qua kết quả điều tra lại đủ căn cứ xác định bị cáo Tôn Thị Lệ M, sinh ngày 09/10/1994.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Tôn Thị Lệ M có lời khai tại phiên tòa trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2011, bị cáo đã 07 lần đến Thành phố Hồ Chí Minh mua Hêrôin đem về ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre phân ra bán lại cho các con nghiện để kiếm lời, cụ thể: đã bán cho Nguyễn Tấn P 04 lần 07 tép Hêrôin thu được 700.000 đồng; bán cho Nguyễn Thành Đ khoảng 25 lần 88 tép Hêrôin thu được khoảng 8.800.000 đồng. Lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra.

[3] Bị cáo M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết việc bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn có ý nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho những người nghiện. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguy cơ phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên được áp dụng đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại các Điều 69 và 74 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự thú, khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai, bị cáo có nghĩa vụ nuôi 02 con chưa đủ 18 tuổi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, o, l khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã quy định. Căn cứ vào tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Khi bị cáo phạm tội chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đề nghị áp dụng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tại Quyết định tái thẩm số 34/2018/HS-GĐT ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử hủy bản án sơ thẩm số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bt, tỉnh Bến Tre về phần liên quan đến Tôn Thị Lệ M. Vì vậy, các phần hình phạt, án phí, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp liên quan đến bị cáo M theo bản án hình sự sơ thẩm số 15/2012/HSST không còn hiệu lực. Tuy nhiên, đối với phần xử lý vật chứng là tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, viền đỏ, số IMEL 367443041933731 và số tiền 2.250.000 đồng đã được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre thi hành xong, sau khi có Quyết định tái thẩm Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre cũng không có quyết định hủy Quyết định thi hành án đó, hiện nay xử lý phần vật chứng cũng không khác gì so với bản án số 15/2012/HSST. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết quyết định lại nội dung này, tránh gây khó khăn trong thi hành án sau này. Riêng đối với khoản tiền buộc bị cáo giao nộp sung quỹ Nhà nước là 7.250.000 đồng và nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã ủy thác cho Chi cục Thi hành dân sự huyện H, tỉnh Bình Định thi hành. Theo kết quả trả lời của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Định được biết bị cáo M chưa thi hành các khoản trên. Vì vậy, cần kiến nghị Chi cục Thi hành dân sự huyện H, tỉnh Bình Định đình chỉ Quyết định thi hành án số 85/QĐ-CCTHADS ngày 15/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Định. Đối với khoản thu lợi bất chính đối với bị cáo nay được xử lý như sau: Bị cáo đã 19 lần bán 95 tếp ma túy cho những người nghiện thu lợi bất chính 9.500.000 đồng. Xét thấy, đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo đã bị thu giữ 2.250.000 đồng tiền do bán ma túy có được bị thu giữ nên bị cáo chỉ còn phải nộp 7.250.000 đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

[9] Đối với hành vi của Huỳnh Thị Út N và Đặng Thị Bích T đã được xét xử xong tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật nên không xét đến.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Tôn Thị Lệ M phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tôn Thị Lệ M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm l, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo: Tôn Thị Lệ M 03 (Ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Kiến nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Định đình chỉ Quyết định thi hành án số 85/QĐ-CCTHADS ngày 15/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

Buộc bị cáo nộp 7.250.000 (Bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

4. Về phần xử lý vật chứng: đã được giải quyết xong tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên không xét đến trong bản án này.

5. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tôn Thị Lệ M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Hoài Nhơn (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình